

Số: 1351/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1286/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2026 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Mai Quang T, sinh năm 1986;

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số 62 PTD, phường PD, Thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T kết hôn ngày 19/10/2007 tại UBND xã XN, huyện XT, tỉnh ND. Quá trình chung sống vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nay ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Mai Quang H (nam), sinh ngày 06/4/2008 và cháu Mai Trường A (nam), sinh ngày 24/11/2012. Khi ly hôn, ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T thỏa thuận: bà Phạm Thị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trường A. Cháu Mai Quang H đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét. Về cấp dưỡng, ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Mai Quang T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, bà Phạm Thị T nhất trí, không có ý kiến gì.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/8/2026 không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Mai Quang H (nam), sinh ngày 06/4/2008 và cháu Mai Trường A (nam), sinh ngày 24/11/2012. Giao cháu Mai Trường A cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Mai Quang H đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét. Về cấp dưỡng, ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Mai Quang T và bà Phạm Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Quang T chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Mai Quang T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội (Biên lai thu số 0004317 ngày 20/8/2026) nay được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 4 – Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn